

Số: 2062 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 30 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc tạm cấp kinh phí phòng, chống bệnh dịch tả lợn Châu Phi
trên địa bàn thành phố Hải Phòng**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh; Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 02 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 3509/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 về việc phê duyệt Kế hoạch hành động ngăn chặn và ứng phó khẩn cấp với bệnh dịch tả lợn Châu Phi xâm nhiễm vào Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 3268/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2019 cho các cấp, các ngành, các đơn vị;

Thực hiện Thông tri số 28-TT/TU ngày 23/5/2019 của Ban Thường vụ Thành ủy về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 20/5/2019 của Ban Bí thư về việc tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hiệu quả công tác phòng, chống, khống chế bệnh dịch tả lợn Châu Phi; Công văn số 5237-CV/VPTU ngày 13/8/2019 của Văn phòng Thành ủy thông báo ý kiến của Thường trực Thành ủy; Công văn số 9675/STC-NSNN ngày 20/8/2019 của Bộ Tài chính về việc hỗ trợ kinh phí tiêu hủy lợn mắc bệnh dịch tả lợn Châu Phi;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 2767/STC-TCHCSN ngày 28/8/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ kinh phí thực hiện phòng, chống dịch bệnh tả lợn Châu Phi trên địa bàn thành phố, số tiền: 399.195,685 triệu đồng (*Ba trăm chín mươi chín tỷ, một trăm chín mươi lăm triệu, sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng*).

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

- Nguồn kinh phí đảm bảo:

+ Từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương cho ngân sách thành phố theo Công văn số 9675/BTC-NSNN ngày 20/8/2019 của Bộ Tài chính, số tiền: 110.000 triệu đồng.

+ Tạm sử dụng kinh phí từ nguồn thực hiện cải cách tiền lương ngân sách thành phố, số tiền: 289.195,685 triệu đồng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chủ trì, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các đơn vị, địa phương thực hiện việc hỗ trợ hộ chăn nuôi có lợn bị tiêu hủy do dịch tả lợn Châu Phi theo quy định;

- Tổng hợp quyết toán kinh phí của các đơn vị, địa phương, gửi Sở Tài chính để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Tài chính.

2. Giao Sở Tài chính :

- Cấp kinh phí cho các cơ quan, đơn vị, địa phương theo Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, giám sát các địa phương, đơn vị thực hiện; tổng hợp quyết toán kinh phí thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Tài chính theo quy định.

- Tham mưu điều chỉnh nguồn kinh phí (nguồn cải cách tiền lương) khi ngân sách Trung ương bổ sung tiếp nguồn kinh phí hỗ trợ cho thành phố.

3. Các cơ quan, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân các quận, huyện có trách nhiệm tiếp nhận, quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng đối tượng, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và đúng quy định hiện hành. Hỗ trợ thiệt hại phải đảm bảo chặt chẽ, công khai cơ chế hỗ trợ theo quy định, tránh tình trạng buông lỏng gây thất thoát ngân sách, chịu trách nhiệm trước pháp luật khi xảy ra sai phạm. Thực hiện báo cáo quyết toán kinh phí về Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Hải Phòng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Các Bộ: NN và PTNT, TC;
- TTTU, TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Như Điều 3;
- CVP; các PCVP UBND TP;
- Phòng: NNTNMT, TC-NS;
- CV: NN, TC;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**


Nguyễn Văn Tùng

PHỤ LỤC I: BIỂU TỔNG HỢP KINH PHÍ PHÒNG CHỐNG BỆNH DỊCH TẢ LỢN CHÂU PHI TÍNH ĐẾN HẾT NGÀY 26/6/2019 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

(Kèm theo Quyết định số 2062 /QĐ-UBND ngày 30/ 8/2019 của UBND thành phố)

ĐVT: triệu đồng

TT	Đơn vị	Kinh phí phòng, chống dịch tính đến hết ngày 26/6/2019									Kinh phí đã được phân bổ (tại QĐ 402/QĐ-UBND ngày 23/2/2019 và QĐ 585/QĐ-UBND ngày 21/3/2019)	Ngân sách địa phương đảm bảo	Ngân sách thành phố phân bổ kinh phí đợt 3
		Công phun, nhiên liệu phun hóa chất (theo QĐ 402/QĐ-UBND ngày 23/2/2019 và QĐ 585/QĐ-UBND ngày 21/3/2019)	Hoạt động BCD các cấp, thông tin tuyên truyền (tại QĐ 402/QĐ-UBND ngày 23/2/2019 và đề nghị cấp bổ sung)	Kinh phí tiêu hủy lợn mắc bệnh (theo định mức tại Phụ lục II QĐ 585/QĐ-UBND ngày 21/3/2019)	Kinh phí trực chốt kiểm dịch, bồi dưỡng công chống dịch (theo định mức tại Phụ lục II QĐ 585/QĐ-UBND ngày 21/3/2019)	Kinh phí hỗ trợ hộ chăn nuôi có lợn bị tiêu hủy do Dịch tả lợn Châu Phi (chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)	Kinh phí các địa phương mua hóa chất, vật tư, công chống dịch bổ sung	Kinh phí mua hóa chất, vật tư, xét nghiệm, chống dịch, chỉ đạo điều hành... (KP đã phân bổ tại Phụ lục III và đề nghị bổ sung kèm theo)	Công phun, nhiên liệu phun hóa chất cấp đợt 3 (Phụ lục IV kèm theo)	Tổng cộng			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11 = 3+...+10	12	13	14=11-12-13
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	-	-	-	-	-	-	600,000	-	600,000	300,000	-	300,000
2	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	-	-	-	-	-	-	40.896,086	-	40.896,086	24.397,351	-	16.498,735
3	Vĩnh Bảo	1.675,000	88,000	9.487,500	11.553,350	70.833,975	1.057,100	-	1.000,000	95.694,925	2.593,076	3.541,600	89.560,249
4	Tiên Lãng	1.469,400	71,200	8.056,435	1.667,500	65.661,414	-	-	800,000	77.725,949	2.459,102	5.865,000	69.401,847
5	An Lão	429,400	54,800	6.378,086	5.153,704	50.371,960	-	-	415,000	62.802,950	484,200	-	62.318,750
6	An Dương	363,600	52,400	2.673,470	802,500	19.937,450	-	-	400,000	24.229,420	619,025	-	23.610,395
7	Thủy Nguyên	840,600	104,800	7.590,000	4.634,513	57.752,457	1.010,000	-	300,000	72.232,370	18.611,209	2.741,000	50.880,161
8	Kiến Thụy	355,200	57,200	7.288,894	1.555,200	55.845,753	-	-	350,000	65.452,247	1.100,802	3.000,000	61.351,445
9	Kiến An	108,600	34,800	479,700	761,501	6.032,841	-	-	250,000	7.667,442	143,400	-	7.524,042
10	Đồ Sơn	106,200	27,600	715,850	230,700	5.492,514	-	-	200,000	6.772,864	133,800	-	6.639,064
11	Hải An	51,900	26,000	371,130	593,800	2.659,160	-	-	30,000	3.731,990	77,900	50,000	3.604,090
12	Dương Kinh	75,400	25,200	458,694	1.951,535	3.453,683	-	-	150,000	6.114,512	294,786	-	5.819,726
13	Cát Hải	60,200	39,200	120,000	120,000	776,746	514,648	-	100,000	1.730,794	99,400	200,000	1.431,394
14	Lê Chân	32,500	25,800	2,631	110,400	19,212	-	-	25,000	215,543	58,300	-	157,243
15	Hồng Bàng	19,300	21,000	12,500	3,800	32,244	-	-	25,000	113,844	40,300	-	73,544
16	Ngô Quyền	20,900	-	-	-	-	-	-	25,000	45,900	20,900	-	25,000
	Tổng cộng:	5.608,200	628,000	43.634,890	29.138,503	338.869,409	2.581,748	41.496,086	4.070,000	466.026,836	51.433,551	15.397,600	399.195,685

PHỤ LỤC II: TỔNG HỢP KINH PHÍ HỖ TRỢ NGƯỜI CHĂN NUÔI CÓ LỢN BỊ TIÊU HỦY DO BỆNH DỊCH TẢ LỢN CHÂU PHI TÍNH ĐẾN HẾT NGÀY 26/6/2019

(Kèm theo Quyết định số 2062 /QĐ-UBND ngày 30/ 8/2019 của UBND thành phố)

Đơn vị tính: triệu đồng

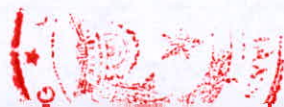
TT	Quận/ Huyện	Kinh phí hỗ trợ các hộ chăn nuôi có lợn bị tiêu hủy do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi tính đến hết ngày 26/6/2019						
		Kinh phí đã chi trả mức 38.000 đồng/kg	Tháng 2 (lợn thịt: 36.978 đồng/kg và lợn nái, đực giống: 55.468 đồng/kg)	Tháng 3 (lợn thịt: 29.880 đồng/kg và lợn nái, đực giống: 44.820 đồng/kg)	Tháng 4 (lợn thịt: 29.289 đồng/kg và lợn nái, đực giống: 43.934 đồng/kg)	Tháng 5 (lợn thịt: 25.770 đồng/kg và lợn nái, đực giống: 38.656 đồng/kg)	Tháng 6 (lợn thịt: 33.588 đồng/kg và lợn nái, đực giống: 50.382 đồng/kg)	Tổng kinh phí hỗ trợ hộ chăn nuôi
1	Vĩnh Bảo	-	-	2.632,353	48.787,275	18.159,735	1.254,612	70.833,975
2	Tiên Lãng	-	31,783	3.718,917	48.221,065	12.185,276	1.504,373	65.661,414
3	An Lão	-	-	2.154,570	25.921,050	14.052,100	8.244,240	50.371,960
4	An Dương	25,500	-	436,160	7.620,870	9.777,250	2.077,670	19.937,450
5	Thủy Nguyên	118,218	441,040	23.295,757	21.832,075	10.419,623	1.645,744	57.752,457
6	Kiến Thụy	508,402	-	526,202	16.881,096	28.997,553	8.932,500	55.845,753
7	Kiến An	-	-	-	2.771,147	2.540,713	720,981	6.032,841
8	Đồ Sơn	-	-	-	558,222	3.378,580	1.555,712	5.492,514
9	Hải An	-	-	54,980	317,850	1.663,040	623,290	2.659,160
10	Dương Kinh	-	-	112,065	452,328	2.079,617	809,673	3.453,683
11	Cát Hải	-	-	-	16,695	415,870	344,181	776,746
12	Lê Chân	-	-	-	-	-	19,212	19,212
13	Hồng Bàng	-	-	-	-	-	32,244	32,244
14	Ngô Quyền	-	-	-	-	-	-	-
	Tổng cộng:	652,120	472,823	32.931,004	173.379,673	103.669,357	27.764,432	338.869,409

PHỤ LỤC III: NHU CẦU KINH PHÍ GIÁM SÁT DỊCH, HÓA CHẤT, VẬT TƯ CHỐNG DỊCH

(Kèm theo Quyết định số **2062** /QĐ-UBND ngày **30/8/2019** của UBND thành phố)

Đơn vị tính: đồng.

TT	Đơn vị/ Nội dung	Kinh phí đã được phân bổ		Nhu cầu kinh phí đề nghị bổ sung (Chi tiết tại Phụ lục V)	Tổng kinh phí đã phân bổ và nhu cầu cấp bổ sung	Ghi chú
		Tại Quyết định số 402/QĐ-UBND ngày 23/2/2019	Tại Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 21/3/2019			
I	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Kinh phí chỉ đạo điều hành)	-	300.000.000	300.000.000	600.000.000	
II	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	3.201.385.000	21.195.966.000	16.498.735.000	40.896.086.000	
1	Tập huấn, tuyên truyền	72.755.000	-	-	72.755.000	
2	Kinh phí giám sát dịch	278.630.000	-	1.774.610.000	2.053.240.000	Kinh phí phục vụ công tác lấy mẫu, xét nghiệm mẫu bệnh Dịch tả lợn Châu Phi (từ ngày 07/4/2019)
3	Kinh phí mua hóa chất khử trùng tiêu độc	2.800.000.000	15.181.600.000	11.396.000.000	29.377.600.000	Đề nghị phân bổ hóa chất khử trùng tiêu độc đợt 3
4	Kinh phí thẩm định, tư vấn đấu thầu...	50.000.000	563.942.000	80.000.000	693.942.000	
5	Vật tư phòng chống dịch	-	1.946.000.000	-	1.946.000.000	
6	Vật tư phục vụ công tác tiêu hủy lợn mắc bệnh	-	2.427.624.000	248.125.000	2.675.749.000	Đề nghị phân bổ đợt 3
7	Kinh phí hoạt động chốt kiểm dịch động vật liên ngành thành phố, bồi dưỡng công chống dịch	-	1.076.800.000	3.000.000.000	4.076.800.000	Đề nghị phân bổ đợt 3
Tổng cộng (I+II):		3.201.385.000	21.495.966.000	16.798.735.000	41.496.086.000	



**PHỤ LỤC IV: NHU CẦU HÓA CHẤT KHỬ TRÙNG TIÊU ĐỘC VÀ HỖ TRỢ CÔNG PHUN HÓA
CHẤT CHỐNG DỊCH TẢ LỢN CHÂU PHI**

(Kèm theo Quyết định số **2062** /QĐ-UBND ngày **30/8/2019** của UBND thành phố)

Đơn vị tính: đồng.

TT	Quận/Huyện	Số lượng hóa chất (lít)	Hỗ trợ công phun, nhiên liệu phun hóa chất (khoản 50.000 đồng/lít)	Văn bản đề nghị
1	Vĩnh Bảo	20.000	1.000.000.000	Công văn số 2007/UBND-NN ngày 26/8/2019 của UBND huyện Vĩnh Bảo
2	Tiên Lãng	16.000	800.000.000	Công văn số 205/BCĐ ngày 27/8/2019 của Ban chỉ đạo sản xuất nông nghiệp huyện Tiên Lãng
3	An Lão	8.300	415.000.000	Công văn số 43/BCĐ-NN&PTNT ngày 27/8/2019 của BCĐ PCD huyện An Lão
4	An Dương	8.000	400.000.000	Công văn số 1007/UBND-NN ngày 27/8/2019 của UBND huyện An Dương
5	Thủy Nguyên	6.000	300.000.000	Công văn số 46/NN&PTNT ngày 27/8/2019 của Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Thủy Nguyên
6	Kiến Thụy	7.000	350.000.000	Công văn số 52/PNN ngày 27/8/2019 của Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Kiến Thụy
7	Kiến An	5.000	250.000.000	Báo cáo số 160/BC-UBND ngày 15/5/2019 của UBND quận Kiến An
8	Đồ Sơn	4.000	200.000.000	Công văn số 1631/UBND-KT ngày 27/8/2019 của UBND quận Đồ Sơn
9	Hải An	600	30.000.000	Công văn số 15/KT ngày 27/8/2019 của Phòng Kinh tế quận Hải An
10	Dương Kinh	3.000	150.000.000	Công văn số 871/UBND-KT ngày 07/5/2019 của UBND quận Dương Kinh
11	Cát Hải	2.000	100.000.000	Công văn số 111/NN ngày 27/8/2019 của Phòng Nông nghiệp và PTNN huyện Cát Hải
12	Lê Chân	500	25.000.000	Báo cáo số 121/BC-UBND ngày 06/5/2019 của UBND quận Lê Chân
13	Hồng Bàng	500	25.000.000	Văn bản số 12/BC-BCĐ ngày 27/8/2019 của BCĐ PCD quận Hồng Bàng
14	Ngô Quyền	500	25.000.000	Công văn số 105/KT ngày 27/8/2019 của Phòng Kinh tế quận Ngô Quyền
Tổng cộng:		81.400	4.070.000.000	

PHỤ LỤC V: CHI TIẾT KINH PHÍ CỦA CHI CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y

(Kèm theo Quyết định số **2062** /QĐ-UBND ngày **30/8/2019** của UBND thành phố)

ĐVT: đồng

TT	Nội dung	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Đơn vị thực hiện
1	Kinh phí chỉ đạo điều hành				300.000.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Kinh phí mua hóa chất: (81.400 lít x 140.000 đ/lít)	Lít	81.400	140.000	11.396.000.000	Chi cục Chăn nuôi và Thú y
3	Kinh phí mua vật tư phục vụ công tác tiêu hủy lợn mắc bệnh				248.125.000	Chi cục Chăn nuôi và Thú y
3.1	Bảo hộ dùng 1 lần: 5.000 bộ x 45.000 đ/bộ	Bộ	5.000	45.000	225.000.000	
3.2	Găng tay cao su: 1.250 đôi x 18.500 đ/đôi		1.250	18.500	23.125.000	
4	Kinh phí mua vật tư phục vụ công tác lấy mẫu và xét nghiệm mẫu chống dịch, giám sát dịch, tái đàn lợn sau dịch(tính từ ngày 07/4/2019)				1.774.610.000	Chi cục Chăn nuôi và Thú y
4.1	Quần áo bảo hộ dùng 1 lần	Bộ	3.000	45.000	135.000.000	
4.2	Găng tay cao su	Đôi	3.000	19.000	57.000.000	
4.3	Găng tay dùng 1 lần	Hộp	30	125.000	3.750.000	
4.4	Khẩu trang dùng 1 lần	Hộp	30	100.000	3.000.000	
4.5	Xi lanh 5 ml	Hộp	35	120.000	4.200.000	
4.6	Kim G18 - 23	Hộp	35	60.000	2.100.000	
4.7	Túi đựng mẫu	Kg	4	250.000	1.000.000	
4.8	Túi đá gel bảo quản mẫu	Cái	60	20.000	1.200.000	
4.9	Cồn 90	Lít	8	75.000	600.000	
4.10	Bông thấm nước	Kg	4	190.000	760.000	
4.11	Kinh phí xét nghiệm mẫu phát hiện vi rút gây bệnh Dịch tả lợn Châu Phi bằng kỹ thuật RT- PCR (từ ngày 07/4/2019)	Mẫu	3.000	522.000	1.566.000.000	
5	Chi thẩm định giá, tư vấn, đấu thầu ...				80.000.000	Chi cục Chăn nuôi và Thú y
6	Chi phí hoạt động chốt kiểm dịch liên ngành thành phố và công bồi dưỡng chống dịch cho cán bộ Thú y				3.000.000.000	Chi cục Chăn nuôi và Thú y
	Tổng cộng:				16.798.735.000	